

ĐẶC ĐIỂM ĐẦU ĐỀ BÀI VIẾT TRÊN “NHÂN DÂN NHẬT BÁO” TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TRONG DỊCH THUẬT

Đỗ Thị Thanh Huyền*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 6 tháng 1 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 22 tháng 3 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích định lượng, kết hợp với phương pháp miêu tả ngữ liệu, đi sâu phân tích các đặc điểm ngôn ngữ trong cách đặt đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo Trung Quốc, bao gồm đặc điểm từ vựng, ngữ pháp và một số thủ pháp tu từ thường gặp, nhằm đưa ra những số liệu cụ thể, đặc điểm khái quát trong cách sử dụng ngôn ngữ của tờ báo nổi tiếng này. Đồng thời, bài viết cũng so sánh chúng với đầu đề bài báo trên báo Nhân Dân Việt Nam, từ đó rút ra những kết luận phục vụ trực tiếp cho công tác dịch thuật đầu đề báo chí Hán – Việt.

Từ khóa: đầu đề, Nhân Dân Nhật báo, đặc điểm ngôn ngữ, dịch thuật

Đặt vấn đề

Trong “Từ điển tiếng Hán hiện đại” thì “đầu đề” được định nghĩa là: “*hình thức câu ngắn gọn tóm lược nội dung của bài viết hoặc cuốn sách (标明文章、作品等内容的简短语句。)*” Trong đó, định nghĩa về “báo chí (报纸)” như sau: “*Báo chí là tên gọi chung của báo và tạp chí (以国内外社会、政治、经济、文化等新闻为主要内容的散页的定期出版物, 如日报、晚报等)*”. Như vậy, thuật ngữ “*đầu đề tác phẩm báo chí (新闻标题)*” theo cách định nghĩa trong từ điển có thể hiểu là: Hình thức câu ngắn gọn, có chức năng tóm lược nội dung của bài báo hoặc bài tạp chí. Trong tiếng Trung Quốc, đầu đề bài báo được ví với “đôi mắt” (眼睛), “linh hồn” (灵魂)

của bài báo. Đúng vậy, đầu đề không đồng nghĩa với giá trị của toàn bộ tác phẩm báo chí, nhưng nó là nhân tố đầu tiên tiếp cận với độc giả, có vai trò “giúp độc giả lựa chọn” đọc hay không đọc. Có thể thấy việc đặt đầu đề có vị trí vô cùng quan trọng, có tính “*quyết định số phận của bài báo*” (Vũ Quang Hào, 2009: 136). Bởi vậy một bài viết hay cần có một đầu đề hấp dẫn, có khả năng thu hút sự chú ý của độc giả.

Theo kết quả điều tra xã hội học năm 1995, thì 100% các nhà báo được phỏng vấn công nhận rằng, họ luôn có hứng thú đọc những bài báo có đầu đề hấp dẫn (Vũ Quang Hào, 2009: 138).

Đầu đề bài báo trong tiếng Trung Quốc thường được chia làm 3 loại: đầu đề chính, đầu đề dẫn và đầu đề phụ. Tuy nhiên, đầu đề

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-1677992473
Email: hang2009nt@gmail.com

chính luôn là tâm điểm chính cần quan tâm, có hình thức tương đối độc lập, nội dung ngữ nghĩa hoàn chỉnh, nên hầu hết các báo đều tập trung nhiều vào đầu đề chính. Bởi vậy, bài viết của chúng tôi sẽ giới hạn tập trung vào nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ của đầu đề chính trên Nhân Dân Nhật báo.

Nhân Dân Nhật báo (tiếng Trung Quốc: 人民日报) là tờ báo ngày, có nội dung tổng hợp quan trọng nhất, số lượng phát hành lớn nhất trên lãnh thổ Trung Quốc. Năm 1992, Nhân Dân Nhật báo được UNESCO công nhận là một trong mười tờ báo quan trọng nhất trên thế giới. Nhân Dân Nhật báo là cơ quan của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, được xuất bản với số lượng từ 3 đến 4 triệu bản. Ngoài phiên bản chính tiếng Trung Quốc, còn có phiên bản của nhiều thứ tiếng khác như: tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga và tiếng Ả-rập. Với vai trò và chức năng tương tự Báo Nhân Dân của Việt Nam, tờ báo này cung cấp những thông tin trực tiếp về các chính sách và quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc (www.people.com.cn, 21/10/2015).

Bài viết chủ yếu tập trung vào tìm hiểu và phân tích những đặc điểm ngôn ngữ trong cách đặt đầu đề trên Nhân Dân Nhật báo, bao gồm các đặc điểm về từ vựng, ngữ pháp và một số thủ pháp tu từ thường xuất hiện.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phân tích định lượng, kết hợp với phương pháp mô tả ngữ liệu nhằm đưa ra những số liệu cụ thể, những đặc điểm khái quát trong cách sử dụng ngôn ngữ của tờ báo nổi tiếng này. Nguồn ngữ liệu cụ thể bao gồm 372 đầu đề (184 tin trong nước, 188 tin quốc tế) trên các trang nhất và trang tin quốc tế, trong 30 kì Nhân Dân Nhật báo tháng 9 năm

2014, chúng tôi đã tiến hành phân tích và rút ra những nét đặc trưng trong cách sử dụng ngôn ngữ đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo như sau:

1. Đặc điểm sử dụng từ ngữ

1.1. Đặc điểm sử dụng danh từ

A. Sử dụng các danh từ riêng

Chúng tôi chia các danh từ được khảo sát thành bốn loại: danh từ chỉ người và sự vật (主席 Chủ tịch, 政府 chính phủ, 座谈会 tọa đàm, 城镇 thành phố...), danh từ chỉ địa điểm (泰国 Thái Lan, 北京 Bắc Kinh...), danh từ chỉ thời gian (两周 hai tuần, 今天 hôm nay, 未来 tương lai...), và danh từ phương vị (前 trước, 后 sau, 以东 hướng đông...) (黄伯荣、廖序东, 2001: 11).

Trong tổng số các danh từ/cụm danh từ được khảo sát, danh từ chỉ người và sự vật xuất hiện với tần suất cao nhất, tổng cộng 675 trên tổng số 760 danh từ, chiếm 89%.

Lí do được chúng tôi đưa ra là: trong thời đại ngày nay, nhu cầu của hầu hết độc giả là nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Họ quan tâm tới đáp án của câu hỏi: “Ai làm gì?” và “Cái gì như thế nào?”, câu trả lời này đã hàm chứa nội dung thông tin chính của bài báo. Các thông tin về thời gian, địa điểm... tuy không xuất hiện trong đầu đề nhưng không ảnh hưởng tới thông tin truyền tải tới độc giả. Ví dụ:

(1) 习近平会见罗马尼亚总理蓬塔
(Nhân Dân Nhật báo, 3/9/2014)⁽¹⁾

(Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình +
hội kiến + Thủ tướng Ru-ma-ni Pon-ta)

¹ Các ví dụ trong bài đa phần được trích dẫn từ Nhân Dân Nhật báo, nên để tiện theo dõi phía dưới chỉ chú thích ngày tháng.

(2) 中共中央党校举行秋季学期开学典礼 (2/9/2014)

(Trường Đảng Trung ương Trung Quốc + tổ chức + Lễ khai giảng học kì mùa xuân)

(3) 舞蹈, 改变贫困孩子的命运 (11/9/2014)

(Múa, thay đổi + số phận trẻ em nghèo)

Các ví dụ trên đều trả lời cho câu hỏi “Ai làm gì?” (ví dụ 1, 2) hoặc “Cái gì như thế nào/ra sao?” (ví dụ 3). Đầu đề tuy không có sự xuất hiện của các danh từ chỉ thời gian hoặc địa điểm, nhưng vẫn thể hiện rõ ràng đầy đủ nội dung chính của bài tin.

Một điểm đáng chú ý nữa là, với những lãnh đạo nhà nước chủ chốt (nhất là lãnh đạo Trung Quốc), cách dùng trực tiếp tên người không kèm theo chức danh, chức vụ là rất phổ biến, như ví dụ (1). Ở đây, thay vì dùng cụm danh từ với đầy đủ tên và chức vụ “Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình”, danh từ chỉ tên riêng “Tập Cận Bình” được dùng trực tiếp tại vị trí chủ ngữ. Tương tự như vậy trong các ví dụ sau:

(4) 李克强出席第八届夏季达沃斯论坛开幕式并发表致辞 (11/9/2014)

(Thủ tướng Trung Quốc Lí Khắc Cường + tham dự và phát biểu + tại Lễ khai mạc Diễn đàn Davos mùa hè lần thứ 8)

(5) 刘云山会见古巴共产党代表团 (12/9/2014)

(Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung Quốc Lưu Vân Sơn + tiếp + Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Cu-Ba)

Trong các ví dụ trên, các cụm danh từ “Thủ tướng Trung Quốc Lí Khắc Cường” và “Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung Quốc Lưu Vân Sơn” được dùng trực tiếp ở dạng họ tên trong tiếng Trung Quốc.

B. Sử dụng danh từ vay mượn từ tiếng nước ngoài

Từ vay mượn tiếng nước ngoài trong tiếng Trung Quốc có thể được chia thành: từ phiên âm, từ phiên âm kết hợp dịch nghĩa và từ viết tắt tiếng nước ngoài (万艺玲, 2000: 10-11).

Đối với hầu hết học sinh Việt Nam thì từ dịch âm tiếng Trung Quốc có phần khó hiểu hơn so với từ ngữ gốc trong tiếng nước ngoài. Bởi dạng thức gốc của từ trong tiếng nước ngoài thường quen thuộc với học sinh Việt Nam hơn. Chúng ta thường quen với Walmart hơn là 沃尔玛, quen với Israel hơn là 以色列, quen với Dubai hơn là 迪拜...

Trên trang Nhân Dân Nhật báo Trung Quốc thì hầu hết các từ tiếng nước ngoài đều được phiên âm sang tiếng Trung Quốc, ví dụ:

(6) 伊拉克政府军再夺北部一城镇 (2/9/2014)

(Quân đội I-rắc giành lại quyền kiểm soát một thành phố phía bắc)

(7) 利比亚战乱致25万人被迫逃离 (5/9/2014)

(250 ngàn người lưu lạc vì chiến sự ở Li-bi)

(8) 巴基斯坦准军事要塞遭袭3人死亡 (16/9/2014)

(Trụ sở bán quân sự của Pa-kít-xtan bị tấn công 3 người thiệt mạng)

Các từ phiên âm tiếng nước ngoài trong các ví dụ trên bao gồm: 伊拉克, 利比亚, 巴基斯坦, chúng lần lượt có xuất xứ từ các từ gốc trong tiếng Anh và phiên âm tiếng Việt tương ứng là: Iraq (I-rắc), Libya (Li-bi), Pakistan (Pa-kít-xtan)...

Thông qua khảo sát, chúng tôi còn nhận thấy đầu đề bài báo sử dụng từ ngữ rút gọn xuất hiện tương đối phổ biến. Ví dụ:

(9) 俄总统普京访问蒙古国 (4/9/2014)

(*Tổng thống Nga Pu-tin thăm chính thức Mông Cổ*)

(10) 中巴友谊历久弥坚 (15/9/2014)

(*Bền vững tình hữu nghị Trung Quốc – Cu-ba*)

(11) 中塔关系驶入发展快车道 (10/9/2014)

(*Bước phát triển mới trong mối quan hệ Trung Quốc – Ta-gi-ki-xtan*)

Những từ “俄”, “中巴”, “中塔”... ở trên chính là dạng viết tắt của “俄罗斯”, “中国与古巴” và “中国和塔吉克斯坦” trong tiếng Trung Quốc.

Đa phần các từ viết tắt trên là những từ ngữ thông dụng với hầu hết độc giả. Tuy nhiên với những độc giả là người nước ngoài thì đây thực sự là những thử thách không hề dễ dàng, họ cần có thời gian để tiếp cận và làm quen với lối sử dụng ngôn ngữ đặc trưng của người bản ngữ.

“Rút gọn” để tạo nên từ ngữ mới được coi là một phương thức cấu tạo từ quan trọng trong giai đoạn phát triển hiện nay của ngôn ngữ Hán. Nguyên lý chủ yếu là giữ nguyên nội hàm nghĩa gốc của từ, chỉ thay đổi về mặt hình thức bên ngoài của từ ngữ theo xu hướng ngắn gọn, súc tích. Một số từ ngữ rút gọn được sử dụng với tần suất cao trên Nhân Dân Nhật báo bao gồm: Tên quốc gia, khu vực: 俄 (俄罗斯) Nga, 乌 (乌克兰) U-crai-na, 中 (中国) Trung Quốc, 英 (英国). Anh Các cách nói trên giúp cho đầu đề bài báo ngắn gọn, giàu hình ảnh mà vẫn truyền tải hết nội dung thông tin của bài báo.

Như vậy, có thể thấy, hình thức rút gọn của từ vựng đã đem lại những hiệu quả tích cực trong các cách đặt đầu đề cho tác phẩm báo chí.

Bên cạnh việc tiết kiệm không gian trang báo, thì các hiệu ứng khác như tính chuyên nghiệp, tính chính xác, giàu hình ảnh... trong sử dụng từ ngữ, cũng được phát huy một cách hết sức hiệu quả. Với mục tiêu truyền tải nhiều nhất thông tin có thể trong khuôn khổ có hạn của trang báo, nên việc sử dụng từ ngữ rút gọn là xu thế chung của các trang báo trong thời đại “bùng nổ thông tin” như hiện nay.

1.2. Đặc điểm sử dụng động từ

Động từ trong tiếng Trung Quốc thường được chia thành sáu loại chính như sau: động từ chỉ hoạt động (会见 tiếp đón, 出席 tham dự, 空袭 không kích, 迈出 bước đi, 强调 nhấn mạnh...), động từ tâm lí tình cảm (爱 yêu, 担心 lo lắng, 担忧 quan ngại, 希望 hy vọng...), động từ chỉ sự xuất hiện hoặc biến mất (有 có, 在 ở, 死亡 chết...), động từ quan hệ (là 是...), động từ tình thái (需 cần, 必须 cần phải, 可能 có thể ...), động từ chỉ xu hướng (进 vào, 出 ra, 上 lên, 下 xuống...) (黄伯荣、廖序东, 2001: 13). Theo thống kê của chúng tôi, trong tổng số 605 động từ/cụm động từ được khảo sát, tần suất sử dụng của các động từ/cụm động từ nêu trên lần lượt là: 540/605; 2/605; 23/605; 13/605; 15/605 và 12/605.

Như vậy, dạng động từ được sử dụng nhiều hơn cả là động từ chỉ hoạt động, chiếm tới 89%. Ví dụ:

(12) 张高丽会见美国得克萨斯州州长 (11/9/2014)

(*Phó thủ tướng Trung Quốc Trương Cao Lệ + tiếp + Thống đốc bang Texas Mĩ*)

(13) 法国军机空袭伊拉克极端组织 (8/9/2014)

(*Máy bay quân sự Pháp + không kích + tổ chức Nhà nước Hồi giáo cực đoan Iraq*)

(14) 乌克兰“入盟”迈出关键一步
(6/9/2014)

(U-crai-na gia nhập EU + bước/đi + bước quan trọng /Ukraina gia nhập EU thể hiện bước tiến quan trọng)

Vận vật trong thế giới quanh ta luôn ở trong xu thế vận động và phát triển, và một trong những chức năng nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tin tức trên báo chí là phản ánh một cách khách quan và chân thực xu thế ấy. Đầu đề bài báo hơn bao giờ hết cần thể hiện một cách sống động và chân thực sự vận động của các sự vật hiện tượng trong thế giới quanh ta, mà phương thức hiệu quả nhất chính là sử dụng những động từ chỉ hoạt động cụ thể.

1.3. Đặc điểm sử dụng tính từ

Tính từ trong tiếng Trung Quốc thường được chia làm ba loại chính như sau: tính từ chỉ tính chất (勇敢 dũng cảm, 广阔 rộng lớn, 好 tốt, 坏 xấu...), tính từ chỉ trạng thái (雪白 trắng muốt, 慢慢 chậm chậm...) và tính từ chỉ số lượng bất định (多 nhiều, 少 ít, 全 tất cả, 许多 rất nhiều...) (黄伯荣、廖序东, 2001: 15). Theo thống kê của chúng tôi, tần suất sử dụng của các tính từ trên trong đầu đề Nhân Dân Nhật báo lần lượt theo tỉ lệ sau: 39/65, chiếm 60%; 17/65, chiếm 26% và 9/65, chiếm 14%.

Trong số các tính từ được dùng thì tính từ chỉ tính chất chiếm đa số.

(15) 上合组织发展前景广阔
(12/9/2014)

(Trương lai của Tổ chức hợp tác phát triển Thượng Hải + rộng lớn /rộng mở)

(16) 祝愿乡亲们日子一天比一天更好
(17/9/2014)

(Kính chúc bà con cuộc sống mỗi ngày thêm + tốt)

(17) 新风劲吹, 风气正起来
(25/9/2014)

(Làn gió mới thổi đến, tác phong thêm + chuẩn)

Các tính từ được dùng trong các ví dụ trên như: 广阔 (rộng lớn), 好 (tốt), 正 (chuẩn) đều là những tính từ chỉ tính chất của sự vật hiện tượng.

Chức năng quan trọng của báo chí là phản ánh những thuộc tính cơ bản, những đặc trưng của sự vật, hiện tượng, nhằm đem lại cho độc giả cái nhìn chân thực, rõ nét và sống động về thế giới bên ngoài. Với vai trò là những từ ngữ chỉ thuộc tính của sự vật, hiện tượng, tính từ chỉ tính chất hoàn toàn có thể đảm nhiệm tốt vai trò này. Trên báo chí ít khi ta thấy những đầu đề với cách diễn đạt rườm rà, dài dòng, ít thông tin. Bởi vậy, những tính từ chỉ trạng thái, mang đậm chất miêu tả thường ít được dùng. Tương tự vậy, phạm vi sử dụng của những tính từ biểu thị số ước lượng cũng tương đối hạn chế, bởi chúng dễ đem lại cho người đọc cảm giác mơ hồ, chung chung, không rõ ràng.

1.4. Ít sử dụng trợ từ, phó từ

Khác với các ngôn ngữ Ấn Âu, tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ không biến hình, cách biểu đạt các quan hệ ngữ pháp trong câu được thực hiện chủ yếu thông qua trật tự từ và hư từ. Việc sử dụng các trợ động từ (了 rồi, 着 đang, 过 đã) ở vị trí trực tiếp sau động từ, các phó từ chỉ thời gian (在 đang, 正 đang, 正在 đang, 已经 đã), các phó từ chỉ tần suất (常 thường, 常常 thường thường, 经常 thường xuyên, 老 luôn, 总 luôn luôn) với mục đích biểu thị các trạng thái, tần suất của động từ là rất phổ biến.

Tuy nhiên, khảo sát đầu đề bài báo, chúng tôi nhận thấy, các từ trên xuất hiện trên

mặt báo với tỉ lệ rất thấp. Điều này cũng đúng với quan điểm của tác giả Yin Shichao (尹世超) đề cập trong cuốn “标题语法” (Ngữ Pháp Đầu đề), ông cho rằng: “Đầu đề bài báo, nhất là dạng tin tức, thường có nội dung thông báo về một sự việc nào đó đã diễn ra hoặc nhấn mạnh về thời gian thay đổi của một sự việc nào đó, tuy nhiên sự lựa chọn các từ ngữ biểu thị phạm trù thời, thể của động từ luôn có những quy định riêng (新闻标题, 特别是报道性标题, 往往反应动作行为的完成或新闻事实发生变化的时间, 他对表示动词实体范畴词语的选择有明显的特点。)” (尹世超, 2001: 123). Đầu đề bài báo là một dạng đặc biệt của ngôn ngữ, nó tuân thủ những quy định riêng của ngôn ngữ báo chí mà có thể không tuân theo những quy tắc thông thường của ngôn ngữ. Với đặc trưng nổi bật là ngắn gọn súc tích, rõ ràng dễ hiểu, đầu đề bài báo thường ít sử dụng những từ ngữ hư hóa về mặt ý nghĩa, như các trợ động từ, các phó từ thời gian. Bởi vậy, các phương thức biểu đạt sự hoàn thành, tiếp diễn, các trạng thái đã hoặc đang tiến hành, tần suất của động tác thường được lược bỏ, và cấu trúc thường gặp là: Chủ ngữ (Ai/ nơi chốn) + Động từ (làm/xây ra) + Tân ngữ⁽²⁾ (cái gì/việc gì). Ví dụ:

(18) 巴基斯坦多地遭受强降雨灾害
(6/9/2014)

(Nhiều nơi ở Pa-kít-xtan bị mưa lớn ngập lụt)

(19) 习近平会见柬埔寨国王西哈莫尼和太后莫尼列 (26/9/2014)

(Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tiếp Quốc vương và Hoàng hậu Campuchia)

(20) 莫斯科举行建城日庆祝活动
(9/9/2014)

(Mát-xcơ-va tổ chức hoạt động chào mừng ngày thành lập thành phố)

2. Đặc điểm ngữ pháp

2.1. Đặc điểm tổng thể

Cấu trúc loại hình đầu đề bài báo thường được chia thành 4 loại chính như sau (韩书庚, 2010): ① đầu đề chính (主题); ② đầu đề dẫn (引题) + đầu đề chính; ③ đầu đề dẫn + đầu đề chính + đầu đề phụ (副题); ④ đầu đề chính + đầu đề phụ. Theo khảo sát của chúng tôi, với những tin quốc tế thì cấu trúc thường gặp nhất là cấu trúc thứ nhất, tức là chỉ bao gồm “Đầu đề chính”; với những tin trong nước Trung Quốc thì cấu trúc thứ 2: “đầu đề dẫn + đầu đề chính” lại chiếm ưu thế. Với loại tin này thì “Đầu đề dẫn” thông thường là: Ai đó (đa phần là lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc) “强调nhấn mạnh” hoặc “指出 chỉ ra”. Đây có thể coi là một trong những đặc điểm nổi bật của trang tin trong nước trên tờ “Báo Đảng” số 1 tại Trung Quốc, mang đậm dấu ấn chính trị của Trung Quốc. Ví dụ:

(21) 中共中央国务院中央军委举行座谈会纪念中国人民抗日战争暨世界反法西斯战争胜利69周年, 习近平发表重要讲话强调 (đầu đề dẫn)

历史无法重来未来可以开创 万众一心实现民族复兴伟业 (đầu đề chính)
(4/9/2014)

(Quân ủy Trung ương Quốc vụ viện Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức tọa đàm nhân kỉ niệm 69 năm chiến thắng phát xít Nhật và kết thúc chiến tranh thế giới), chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tham dự và có bài phát biểu quan trọng, trong đó nhấn mạnh:

Lịch sử không bao giờ quay trở lại nhưng tương lai có thể xây đắp. Toàn dân

² Tương đương với khái niệm “bổ ngữ” trong tiếng Việt.

chung tay xây dựng sự nghiệp vĩ đại phục hưng Trung Hoa)

2.2. Đặc điểm kết cấu của đầu đề chính

Cấu trúc đầu đề bài báo ít bị hạn chế nên tương đối phong phú đa dạng, nó có thể là một câu (câu đơn hoặc câu phức), một ngữ, một từ hoặc một kết cấu cố định.

Với bất cứ dạng thức nào thì yêu cầu đầu tiên và trên hết với mỗi đầu đề bài báo là tính xác thực về nội dung và đơn giản, dễ hiểu về hình thức. Thông qua khảo sát 372 đầu đề trên Nhân Dân Nhật báo, chúng tôi nhận thấy, cấu trúc đầu đề của bài báo dạng câu đơn (còn gọi là cấu trúc chủ vị) chiếm tỉ lệ khá cao, 80.6% (300 trên tổng số 372 đầu đề); cấu trúc danh, động từ chiếm 17,5% (ngữ danh từ 19, ngữ động từ 46), cấu trúc dạng câu phức và ngữ cố định chỉ chiếm 1,9% (câu phức 6, ngữ cố định 1).

Với những tin quốc tế, cấu trúc chủ vị phổ biến ở mức cao hơn, gồm 162/188 đầu đề, chiếm 86 %. Ví dụ:

(22) 首都各界向抗战烈士敬献花篮
(4/9/2014)

(Nhân dân thủ đô Bắc Kinh Trung Quốc dâng hoa tưởng niệm các liệt sĩ)

(23) 联合国呼吁国际社会携手抗击埃博拉
(27/9/2014)

(Liên hợp quốc kêu gọi cộng đồng quốc tế chung tay chống lại dịch bệnh E-bo-la)

Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy câu vị ngữ động từ được dùng phổ biến hơn câu vị ngữ tính từ. Chúng tôi cho rằng, vị ngữ động từ thường giàu hình ảnh, khi sử dụng làm đầu đề bài báo dễ đem lại cảm giác chân thực, sống động, người thực việc thực. Trong khi đó, câu vị ngữ tính từ thường dùng để miêu tả trạng thái, tính chất của sự vật hiện tượng,

cũng chính bởi đặc tính đó, câu vị ngữ tính từ thường trừu tượng hơn.

A. Đầu đề dạng “câu”

(A) Câu đơn (kết cấu chủ vị)

Xét về mặt hình thức, thì đầu đề bài báo có dạng câu đơn tương đương với một cấu trúc chủ vị, nếu thêm dấu câu vào sau đầu đề, sẽ là một câu hoàn chỉnh cả về mặt ý nghĩa và nội dung. Đa phần những đầu đề dạng này mang tính chất thông báo dạng: ở đâu đang diễn ra việc gì, hoặc ai đang làm việc gì. Đầu đề dạng này phù hợp với những bài báo mang tính chất thông báo sự kiện, những thông tin có nội dung khái quát, tổng hợp.

Hầu hết các đầu đề dạng câu sử dụng trên Nhân Dân Nhật báo là cấu trúc câu đơn. Đây được xem là hình thức truyền tải thông tin tới độc giả hữu hiệu nhất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu với một đầu đề báo chí thông thường: dễ hiểu, ngắn gọn, đủ ý.

(24) 习近平会见罗马尼亚总理蓬塔
(3/9/2014)

(Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình hội kiến Thủ tướng Ru-ma-ni Pon-ta)

(25) 俄罗斯在北极发现大型油气田
(29/9/2014)

(Nga phát hiện mỏ dầu lớn ở Bắc cực)

(26) 非盟安全峰会提议设立反恐特别基金
(4/9/2014)

(Hội nghị thượng đỉnh an ninh các quốc gia Châu Phi kiến nghị thành lập Quỹ đặc biệt chống khủng bố)

Đầu đề bài báo có khả năng truyền tải thông tin một cách tương đối độc lập, điều này giúp độc giả nắm bắt các thông tin cần thiết một cách nhanh và hiệu quả nhất. Một

nhà báo giỏi sẽ có cách đặt đầu đề hay và hữu ích. Một đầu đề hay và hữu ích là một đầu đề có thể cung cấp cho độc giả những thông tin chính xác, cần thiết, định hướng cho độc giả con đường ngắn nhất để đến với thông tin.

(B) Câu phức

Không khó nhận thấy rằng câu phức ít được dùng để đặt làm đầu đề cho bài báo so với câu đơn. Điều này cũng đơn giản, vì câu phức với hình thức bên ngoài có phần phức tạp hơn so với câu đơn, nên ít được lựa chọn hơn. Kể cả khi được lựa chọn thì các liên từ dùng để kết nối các vế câu cũng thường được thiết kế theo xu hướng tối giản. Ví dụ:

(27) 以将约旦河西岸400公顷土地“国有化” 巴勒斯坦表示抗议 (3/9/2014)

((Vi) I-xra-en “quốc hữu hóa” 100ha đất ở bờ Tây Joc-dan, (nên) Pa-lét-xtin phản đối)

(28) 丑闻频发, 德国医疗机构公信力受损 (11/9/2014)

((Vi) Xuất hiện nhiều vụ lùm xùm, (nên) uy tín của tổ chức y tế Đức bị ảnh hưởng)

(29) 虽拥万亩松林, 不嫌一棵多余 (7/9/2014)

(Tuy có hàng vạn mẫu rừng tùng, (nhưng) không hề có một cây thừa)

Câu phức biểu thị quan hệ nguyên nhân kết quả đã được lược bỏ các liên từ “因为” (vì/do) và “所以” (nên), ví dụ (27), (28); hoặc liên từ ở vế câu thứ 2 “但是” (nhưng, song) được giản lược, ví dụ (29). Tuy nhiên sự giản hóa các liên từ không làm thay đổi ý nghĩa biểu đạt, mà ngược lại, càng làm gia tăng tính súc tích của đầu đề.

B. Đầu đề dạng “ngữ”

(A) Ngữ danh từ

a. Cấu trúc “định ngữ và trung tâm ngữ”

Theo khảo sát phân tích của chúng tôi, số đầu đề dạng ngữ danh từ là 19/372, chiếm 5,1%.

Đa phần đầu đề ngữ danh từ có cấu trúc định trung (định ngữ + trung tâm ngữ), ví dụ:

(30) 丝路友谊谱新篇 (13/9/2014)

(31) 承载期盼的新里程 (10/9/2014)

Trong các ví dụ trên, thành phần chính (trung tâm ngữ) đứng sau, thành phần bổ sung, thuyết minh ý nghĩa (định ngữ) đứng phía trước. Ví dụ định ngữ “丝路友谊谱” (Bản nhạc hữu nghị con đường tơ lụa) đứng trước trung tâm ngữ “新篇” (giai điệu mới), khi dịch sang tiếng Việt sẽ là: “Giai điệu mới của Bản nhạc hữu nghị con đường tơ lụa”. Hoặc trong ví dụ 31, định ngữ “承载期盼” chờ/mang đầy hy vọng” được đặt trước trung tâm ngữ “新里程 Những chặng đường mới”, tương đương với ý nghĩa tiếng Việt là “Những chặng đường mới chờ đầy hy vọng”.

Trong ngữ pháp tiếng Trung Quốc nói chung và đầu đề bài báo nói riêng, thành phần phụ đứng trước, có vai trò bổ sung, thuyết minh, nói rõ cho thành phần chính ở vị trí phía sau, quan hệ này thường được gọi là quan hệ “偏正” (phụ + chính). Có thể dễ dàng nhận thấy, trật tự này ngược với trật tự “chính phụ” (thành phần chính ở vị trí trước thành phần phụ) thường gặp trong tiếng Việt.

Trung tâm ngữ của cấu trúc “định trung” trong tiếng Trung Quốc thông thường là các danh từ hoặc ngữ danh từ, ví dụ:

(32) 沙漠奇迹 (14/9/2014) (Kì tích miền sa mạc)

(33) 永不磨灭的惨痛记忆 (7/9/2014) (Kí ức đau thương không thể quên)

Các trung tâm ngữ như: “奇迹” (kì tích), “惨痛记忆” (kí ức đau thương) đều là các danh từ hoặc ngữ danh từ.

Cũng có trường hợp trung tâm ngữ là động từ hoặc ngữ động từ, ví dụ:

(34) 国务院关于表彰全国民族团结进步模范集体和模范个人的决定 (29/9/2014)

(35) “朗姆酒战争”的反思 (4/9/2014)

Trong hai ví dụ trên, “决定” (quyết định) và “反思” (nhớ lại) là hai động từ làm trung tâm ngữ.

b. Cấu trúc đẳng lập

Bên cạnh cấu trúc định trung, đầu đề dạng ngữ danh từ còn một dạng thức khác là cấu trúc đẳng lập, ví dụ:

(36) 真的朋友, 发展的伙伴
(15/9/2014)

(*Tình bạn chân thành, Đối tác phát triển*)

Đầu đề trên đều do hai cấu trúc danh từ kết hợp với nhau theo phương thức đẳng lập “A, B”.

(B) Ngữ động từ

Theo khảo sát của chúng tôi, cấu trúc ngữ pháp thường gặp của các đầu đề ngữ động từ bao gồm: cấu trúc động tân, cấu trúc đẳng lập, cấu trúc động bổ và cấu trúc liên động. Trong đó, cấu trúc động tân và đẳng lập là hai loại hình thường gặp hơn cả, ví dụ:

(37) 坚决反对党内政治生活庸俗化
(1/9/2014)

(38) 从体罚学生看教育是非
(24/9/2014)

Các đầu đề trên đều do các động từ “反对” (phản đối), “看” (nhìn) kết hợp với tân ngữ chỉ đối tượng, hiện tượng “庸俗化” (sự

dung tục hóa), “教育是非” (cái đúng sai trong giáo dục)... Dạng thức đầu đề cấu trúc động tân rất giàu hình ảnh, có khả năng truyền tải thông điệp cao, thể hiện sinh động tư tưởng chủ đạo của bài báo.

Cấu trúc đẳng lập cũng là dạng thức thường gặp của đầu đề ngữ động từ, ví dụ:

(39) 铭记历史 捍卫和平 (1/9/2014)

(*Khắc ghi lịch sử, Giữ gìn hòa bình*)

(40) 传播正能量 弘扬主旋律
(3/9/2014)

(*Lan truyền nguồn năng lượng, Phát huy mạch tư tưởng*)

Dạng thức này ít dùng liên từ hoặc dấu câu để phân tách, chúng tách biệt nhau bởi dấu cách. Đầu đề dạng này thường giàu nhạc điệu, hình thức cân đối, dễ đưa đến cho độc giả cảm nhận tích cực về thính giác và thị giác.

Bên cạnh đó còn xuất hiện cấu trúc động bổ:

(41) 将9月30日设立为烈士纪念日
(1/9/2014)

(*Trung Quốc lấy ngày 30/9 làm ngày tưởng nhớ các liệt sĩ*)

Cấu trúc động bổ ở đây tương ứng với: “将A设立为B”, B là bổ ngữ của động từ “设立” (làm).

Và cấu trúc liên động:

(42) 走进太行, 解读“新乡现象”
(8/9/2014)

(*Đến với Taihang, tìm hiểu Nông thôn mới*)

Đầu đề trên ở dạng “走进A, 解读B”, “走进” (đến với) và “解读” (tìm hiểu) có thể coi như hai hành động liên tiếp của một chủ thể, chúng đi với nhau làm thành cấu trúc liên động.

(C) Ngữ cố định

Cấu trúc đầu đề ở dạng từ rất ít xuất hiện, trong phạm vi khảo sát của chúng tôi, không xuất hiện đầu đề ở dạng một từ đơn thuần, mà xuất hiện một “ngữ cố định”, về chức năng ngữ pháp có thể coi như một từ. Ví dụ:

(43) 临风踏浪 (7/9/2014)

Ý nghĩa mặt chữ của đầu đề là: “*Gần với gió và sát với sóng*”.

Đầu đề bài viết cũng là tên một tác phẩm hội họa, miêu tả điệu múa của các vũ nữ trên đảo Hawaii trong trang phục váy tét bằng cỏ truyền thống, hết sức quyến rũ, chúng tôi xin tạm dịch là “*Vũ điệu biển cả*”.

3. Đặc điểm tu từ

Với vai trò là tờ báo Đảng, tính nghiêm túc, chuẩn mực luôn được đặt lên hàng đầu, ngôn ngữ dùng trong đầu đề Nhân Dân Nhật báo luôn theo sát nguyên tắc nghiêm túc và chính xác, phản ánh trung thực những tin tức sự kiện mang tính thời sự. Không có nhiều thủ pháp tu từ được sử dụng trong cách đặt đầu đề cho bài viết trên trang báo này, tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể tìm thấy một số đặc trưng tu từ rất riêng, ví dụ như cách đặt tiêu đề theo kiểu đối xứng được khai thác triệt để nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng ngôn ngữ:

(44) 讲正气 走正道 树正风

(Vững kỉ cương Đứng nguyên tắc Chuẩn tác phong)

(45) 复兴丝绸之路 共建和谐周边
(20/9/2014)

(Phục hưng con đường tơ lụa chung tay xây dựng thế giới hài hòa)

Cách đặt đầu đề này có sự hài hòa về âm tiết, giàu nhạc điệu, hình ảnh, dễ tạo dấu ấn

thu hút độc giả. Các thành phần đối xứng chia cách nhau bằng dấu cách trong văn bản.

Đặt đầu đề theo lối trích dẫn cũng là thủ pháp tu từ thường xuất hiện trên trang nhất Nhân Dân Nhật báo. Thông thường là trích dẫn lời nói của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Cách đặt đầu đề này có khả năng phản ánh một cách khách quan và chân thực nội dung bài báo, ví dụ:

(46) 习近平在庆祝全国人民代表大会成立60周年大会上发表重要讲话强调 (đầu đề dẫn)

毫不动摇坚持和完善人民代表大会制度 坚持走中国特色社会主义政治发展道路 (6/9/2014)

(Phát biểu tại Lễ kỉ niệm 60 năm thành lập Quốc hội Trung Quốc của đồng chí Tập Cận Bình nhân mạnh)

Tiếp tục kiên trì và hoàn thiện chế độ Đại biểu Quốc hội Kiên trì phát triển XHCN mang đặc sắc Trung Quốc)

Trong đầu đề bài báo, thủ pháp tu từ ẩn dụ cũng đôi khi được dùng:

(47) 英格兰不愿与苏格兰 “分家”
(11/9/2014)

Từ “*分家*” (tạm dịch là “*ở riêng*”), được dùng để chỉ con cái đang ở chung với bố mẹ, lập gia đình và tách ra sống riêng, nhưng ở đây động từ “*分家*” lại được dùng để chỉ sự chia tách độc lập của Xcôt-len, ra khỏi Liên hiệp Vương quốc Anh. Có thể thấy, Xcôt-len được coi như một “*đứa con*” thành viên trong gia đình Liên hiệp Vương quốc Anh.

4. So sánh cách đặt đầu đề báo chí Hán - Việt và những vấn đề liên quan trong dịch thuật

Các thao tác cần thiết khi dịch một đầu đề báo chí cũng tuân thủ theo nguyên tắc dịch

thuật thông thường, và thường tiến hành theo trình tự sau: Yêu cầu đầu tiên với dịch đầu đề bài báo đó là sự am hiểu về ý nghĩa hiển ngôn của đầu đề bài báo, dịch giả phải nắm được toàn bộ ý nghĩa mà những từ ngữ trong đầu đề thể hiện. Bên cạnh đó, khả năng hiểu biết và nắm bắt những thông tin ý nghĩa thể hiện bên ngoài nghĩa mặt chữ “*ý tại ngôn ngoại*” cũng là yêu cầu cần thiết với dịch giả báo chí.

Tiếp đến là khâu xử lý thông tin bên trong bộ não của dịch giả, dịch giả phải xác định cấu trúc chuyển dịch trong ngôn ngữ đích (ở đây là tiếng Việt), nhanh chóng lựa chọn từ vựng và chuyển dịch toàn bộ đầu đề.

Dưới đây là những so sánh của chúng tôi từ các góc độ từ vựng, ngữ pháp và tu từ đối với ngôn ngữ sử dụng trong đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo và Báo Nhân Dân, cùng những khuyến nghị liên quan.

4.1. Từ góc độ từ ngữ

Tiếng Trung Quốc có khối lượng từ vựng lớn, thường xuyên cập nhật và mở rộng, điều này thể hiện khá rõ nét trong ngôn ngữ báo chí, bởi ngôn ngữ báo chí bao gồm hầu hết các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, ngoại giao tới giải trí, du lịch, văn hóa, xã hội... Do vậy, để có thể dịch tốt ngôn ngữ báo chí, một yêu cầu không thể thiếu với dịch giả là sự cập nhật thường xuyên lượng từ vựng này. Dưới đây là một số lưu ý về từ vựng trong dịch thuật:

Như đã trình bày trong phần 1 của bài viết, tên riêng của lãnh đạo cao cấp trong tiếng Trung Quốc thường dùng trực tiếp làm chủ ngữ, xem ví dụ (4), (5), tuy nhiên khi chuyển dịch sang tiếng Việt, để phù hợp với cách dùng của người Việt, chúng ta thường bổ sung thêm chức vụ, ví dụ như: “Thủ tướng Trung Quốc Lí Khắc Cường”, “Phó thủ tướng Trung Quốc Trương Cao Lệ” ...

Cũng có trường hợp chủ thể của hành động quá dài, với quá nhiều chức danh, khi dịch có thể lược bớt các thành phần chức danh, chỉ giữ lại thành phần chính, ví dụ:

(48) 中央军委主席习近平签署命令
通令授予空军某试飞大队荣誉称号
(17/9/2014)

Việc dịch đầy đủ sẽ là quá dài với một đầu đề, khi mà người đọc quan tâm nhiều hơn tới thông tin đầu đề mang lại (*Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc Tập Cận Bình kí quyết định trao tặng danh hiệu cao quý cho một đại đội không quân*). Do vậy, chúng tôi đề xuất chủ ngữ cho các phương án này là “Trung Quốc”, “Chính phủ Trung Quốc” hoặc “Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình”.

Một điểm nổi bật về cách sử dụng danh từ trong đầu đề bài báo trong hai ngôn ngữ là đều sử dụng nhiều các phương thức rút gọn, song chúng tôi nhận thấy tần suất sử dụng các từ ngữ rút gọn trên Nhân Dân Nhật báo không thường xuyên như trên trang Báo Nhân Dân.

Chúng ta đều biết chữ Hán là loại văn tự biểu ý, trong khi chữ viết trong tiếng Việt lại là loại văn tự biểu âm, đây là hai loại hình văn tự hoàn toàn khác nhau, nên cũng dễ lí giải hình thức rút gọn trong hai ngôn ngữ là khác nhau, và mang dấu ấn riêng của từng ngôn ngữ. Bởi vậy, trong dịch thuật cần có sự can thiệp phù hợp, có trường hợp có thể dịch theo lối rút gọn trong ngôn ngữ nguồn, song lại có trường hợp không thể dịch tuân theo lối rút gọn trong ngôn ngữ nguồn. Ví dụ:

(49) 亚行称中国将拉动东盟经济增长
(26/9/2014)

“亚行” là cách dùng rút gọn của “亚洲银行”, khi dịch sang tiếng Việt chúng ta không thể dịch theo cách nói rút gọn “Á hàng”, mà

vẫn phải dịch theo cách đầy đủ là “Ngân hàng Châu Á”.

Tương tự với các cách rút gọn trong ví dụ dưới đây:

(50) 乌政府与反对派签署停火协议
(6/9/2014)

“乌政府” là dạng viết tắt của “乌克兰政府”. Tuy nhiên trong tiếng Việt không có dạng thức rút gọn của tên gọi quốc gia “U-crai-na”, do vậy khi chuyển dịch sang tiếng Việt, chúng ta vẫn phải dịch nguyên ở dạng gốc là: “Chính phủ U-crai-na”.

Cơ lõi toàn cầu hóa đang len lỏi vào mọi ngõ ngách của cuộc sống của người dân, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, chính trị. Ta sẽ thấy nhiều hơn những cách nói rút gọn trong tiếng nước ngoài kiểu như: EU, WB, FDI, USD, IS, GDP... đang dần du nhập trực tiếp vào ngôn ngữ đời thường cũng như ngôn ngữ báo chí trong tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Có thể thấy là nét nổi bật trong trang tin tức quốc tế trên Báo Nhân Dân là những đầu đề với các từ ngữ viết tắt quốc tế thông dụng như trên [Đỗ Thị Thanh Huyền, 2015]. Tuy nhiên, phương thức sử dụng từ ngữ rút gọn này lại rất ít xuất hiện trong đầu đề bài báo tiếng Trung Quốc, chúng thường được thay thế bằng các cách dịch sang tiếng Trung Quốc, như: EU (欧盟), WB (世界银行/世行), FDI (外商直接投资), USD (美元) IS (伊斯兰国), GDP (国内生产总值)...

Việc dịch động từ và tính từ tùy thuộc vào ý nghĩa từ vựng của từ ngữ trong văn cảnh cụ thể. Ngoài ra, việc sử dụng trợ từ, phó từ trong trong đầu đề bài báo trên hai ngôn ngữ thường ít gặp. Đây cũng là điều dễ lí giải bởi đầu đề cần đảm bảo tính súc tích ngắn gọn.

4.2. Từ góc độ cấu trúc

Như đã trình bày ở phần 2.1: Cấu trúc loại hình đầu đề bài báo quốc tế thường gặp nhất là cấu trúc chỉ bao gồm “Đầu đề chính”; song với những tin trong nước Trung Quốc thì cấu trúc “đầu đề dẫn + đầu đề chính” lại chiếm ưu thế.

Trong khi đó, cấu trúc tổng thể bài báo trên tờ Nhân Dân, chủ yếu là đầu đề chính, cấu trúc “đầu đề chính + đầu đề phụ” xuất hiện trên trang tin trong nước, với tần suất không nhiều, ví dụ:

(51) *Phát động chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam* (đầu đề chính)

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dự và phát biểu ý kiến (Nhân Dân, 15/1/2015) (đầu đề phụ)

Qua khảo sát phân tích, chúng tôi nhận thấy, cấu trúc dạng câu đơn được dùng nhiều trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong tiếng Trung Quốc, tỉ lệ này chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối (Xem phần.2.2).

Trong tiếng Việt, cấu trúc ở dạng “ngữ” thường được dùng phổ biến hơn với những tin trong nước, chiếm tới 58% (Đỗ Thị Thanh Huyền, 2015). Ví dụ:

(52) *Tết ấm tình người* (Nhân Dân, 17/2/2015)

(53) *Giữ gìn bản sắc văn hóa trong hội nhập* (Nhân Dân, 23/2/2015)

Với những tin quốc tế, cấu trúc dạng câu được ưa dùng hơn, chiếm tỉ lệ khá cao 77 % (Đỗ Thị Thanh Huyền, 2015). Ví dụ:

(54) *Châu Âu ưu tiên giải quyết khủng hoảng U-crai-na* (Nhân Dân, 2/1/2015)

(55) *Ta-li-ban lại đánh bom ở thủ đô Áp-ga-ni-xtan* (Nhân Dân, 27/2/2015)

Trong dịch thuật, đầu đề tin trong nước trên Nhân Dân Nhật báo khi dịch sang tiếng Việt sẽ là những tin tức quốc tế, do vậy, “xu hướng câu” vẫn sẽ chiếm ưu thế, đây cũng chính là điểm thuận lợi với các dịch giả Việt Nam. Ở khía cạnh khác, khi dịch tin trong nước tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc, chúng ta nên lưu ý chuyển các cấu trúc dạng “ngữ” sang cấu trúc dạng “câu” cho phù hợp với xu thế đặt đầu đề trên báo tiếng Trung Quốc.

Dưới đây là một vài kết luận của chúng tôi trong dịch thuật từ góc độ cấu trúc:

A. Với loại hình bao gồm “đầu đề dẫn + đầu đề chính” thường gặp với các tin trong nước Trung Quốc, các cấu trúc đầu đề dẫn ở dạng “Ai nhân mạnh/chỉ ra”, chúng ta nên chuyển sang dạng trích dẫn trong tiếng Việt. Với ví dụ (21) nêu trên bao gồm đầu đề dẫn và đầu đề chính tương đối dài, chúng tôi đưa ra phương án dịch tham khảo như sau:

Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình: Lịch sử không bao giờ quay trở lại nhưng tương lai có thể xây đắp Toàn dân chung tay xây dựng sự nghiệp vĩ đại phục hưng Trung Hoa

B. Với những tin trong nước Trung Quốc, khi dịch sang tiếng Việt sẽ tương đương tin quốc tế, do vậy, “xu hướng câu hóa” cần phát huy. Chúng tôi kiến nghị chuyển các cấu trúc dạng “ngữ” trong tiếng Trung Quốc sang dạng câu. Và ở góc độ ngược lại, khi dịch tin trong nước tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc, cũng nên lưu ý chuyển các cấu trúc dạng “ngữ” sang cấu trúc dạng “câu” cho phù hợp với xu thế đặt đầu đề trên báo tiếng Trung Quốc. Một trong những cách thức chuyển thể “ngữ” sang “câu” đơn giản và thường gặp nhất là phương thức bổ sung chủ ngữ.

Bên cạnh đó, với những tin trong nước của Trung Quốc, chủ ngữ nhiều khi bị lược bỏ, vì đối tượng mà tờ báo hướng đến là độc giả Trung Quốc. Song khi dịch sang tiếng Việt, đối tượng mà văn bản dịch hướng đến lại bao gồm cả người Việt Nam hoặc người nước ngoài, bởi vậy việc bổ sung thêm chủ thể (có thể là địa danh, quốc tịch, tên nhân vật...) là cần thiết để tránh gây hiểu lầm cho độc giả. Ví dụ:

(56) 走好香港政制发展的关键一步
(1/9/2014)

(Trung Quốc thực hiện tốt bước phát triển thể chế chính trị tại Hồng Kông)

(57) 严禁党政机关到风景名胜区开会
(29/9/2014)

(Trung Quốc nghiêm cấm các cơ quan tổ chức Đảng Chính quyền tổ chức họp tại các khu nghỉ dưỡng)

Cấu trúc tiếng Trung Quốc trong ví dụ (56), (57) là các cấu trúc động tân. Chủ ngữ chính của câu đã được lược bỏ, song có thể hiểu nôm na là: Trung Quốc hoặc Chính phủ Trung Quốc. Như vậy, khi dịch sang tiếng Việt, việc bổ sung thêm chủ thể Trung Quốc/Chính phủ Trung Quốc là điều cần thiết để tạo sự thuận lợi cho độc giả trong việc lí giải, chúng tôi đưa ra phương án dịch tham khảo là: “*(Chính phủ) Trung Quốc quyết tâm thực hiện tốt bước đi quan trọng trong sự phát triển thể chế chính trị tại Hồng Kông*” và “*(Chính phủ) Trung Quốc nghiêm cấm các tổ chức đoàn thể chính quyền tổ chức hội họp tại các khu nghỉ dưỡng*”.

4.3. Từ góc độ tu từ

Trên cả hai tờ báo Đảng tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, thủ pháp tu từ được sử dụng không nhiều với tần suất không cao. Một số thủ pháp tu từ thường gặp trên trang Nhân Dân Nhật báo là: đối xứng, trích dẫn và ẩn dụ.

Trên báo Nhân Dân, chúng ta cũng thấy xuất hiện một số thủ pháp đặc trưng rất riêng của tờ báo này, ví dụ như cách đặt đầu đề theo kiểu trích dẫn xuất hiện nhiều. Thông thường là trích dẫn lời nói của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, những cá nhân có ảnh hưởng lớn, được nhiều người biết tới. Tương tự như trong tiếng Trung Quốc, cách đặt đầu đề này có thể phản ánh một cách khách quan và chân thực nội dung bài báo, đồng thời đem lại hiệu quả tu từ tích cực trong việc thu hút độc giả, ví dụ:

(58) *Phát huy cao độ trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, tập trung nghiên cứu, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước (Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng)* (Nhân Dân, 6/1/2015)

(59) *Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: Khẩn trương bắt tay vào việc, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ ngay từ đầu Xuân mới* (Nhân Dân, 25/2/2015)

Ở các thể loại bài viết bình luận, xuất hiện nhiều hơn một số hình thức tu từ, ví dụ như: đầu đề dạng đối xứng:

(60) *“Cầu may” hay “cướp may”?* (Nhân Dân, 26/2/2015).

(61) *Vui Tết và lo Tết* (Nhân Dân, 2/1/2015)

Hoặc đầu đề dạng đảo ngữ:

(62) *Mênh mang sông nước miền tây* (Nhân Dân, 3/1/2015)

Việc dịch đầu đề có sử dụng các biện pháp tu từ luôn là thách thức đối với dịch giả. Bởi đặc trưng tu từ của mỗi ngôn ngữ luôn có sự khác biệt không nhỏ. Trong một vài tình huống, dịch khiên cưỡng các biện pháp tu từ dễ dẫn đến sự khó hiểu hoặc hiểu lầm cho độc giả.

Nếu chuyển dịch tốt sẽ đem lại những hiệu quả ngôn ngữ tốt. Bởi vậy, khi dịch đầu đề Nhân Dân Nhật báo sang tiếng Việt, chúng ta cần chú ý tính hài hòa, nhịp điệu của ngôn ngữ. Xem ví dụ 44, “讲正气 走正道 树正风”, đây là đầu đề được cấu thành từ 3 kết cấu động tân có số lượng âm tiết như nhau, đều là 3 âm tiết. Lí tưởng nhất khi dịch sang tiếng Việt vẫn là sử dụng cấu trúc và số lượng âm tiết tương ứng với ngôn ngữ nguồn. Về ý nghĩa, đầu đề trên được diễn nôm như sau: Giữ nguyên tắc đúng đắn, đi con đường đúng đắn, xây dựng tác phong đúng đắn (chuẩn mực). Chúng tôi xin được tạm dịch là: *Vững ki cương Đúng nguyên tắc Chuẩn tác phong.*

5. Kết luận

Đầu đề có thể coi như “đôi mắt”, “cửa sổ tâm hồn” của bài báo, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với một bài báo. Một tờ báo muốn phát triển tốt có lẽ cần bắt đầu từ việc đặt đầu đề, chăm chút cho “cửa sổ tâm hồn” của tờ báo, đây cũng đồng thời là chìa khóa, là mấu chốt quan trọng để dẫn tới thành công của một tờ báo.

Thông qua phân tích, tổng hợp những đặc điểm nổi bật trong cách sử dụng ngôn ngữ đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo Trung Quốc, chúng ta có thể thấy các phóng viên Nhân Dân Nhật báo đã rất chú ý tới việc đặt đầu đề cho tác phẩm báo chí, nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng của bài báo nói riêng và tờ báo nói chung. Tựu chung lại, đặc điểm đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo có thể được tóm tắt trong mấy nội dung sau:

Ở cấp độ từ vựng, đầu đề bài báo sử dụng nhiều danh từ chỉ người và sự vật, động từ chỉ hoạt động được dùng phổ biến, tính từ chỉ tính chất chiếm ưu thế hơn so với các từ cùng loại. Ở góc độ ngữ pháp, cấu trúc dạng câu

đơn (cấu trúc chủ vị) chiếm ưu thế tuyệt đối, xấp xỉ 80.6%, tiếp theo là ngữ động từ, chiếm 12,4%, ngữ danh từ chiếm 5,1%. Về đặc điểm từ từ, chúng tôi nhận thấy, không có quá nhiều thủ pháp tu từ được sử dụng trong các đầu đề bài báo, ngoài một số thủ pháp thường gặp như: đối xứng, trích dẫn, ẩn dụ... với số lượng không nhiều.

Một điểm nổi bật về cách sử dụng danh từ trong đầu đề bài báo trong hai ngôn ngữ là đều sử dụng nhiều các cách nói rút gọn, song chúng tôi nhận thấy tần suất sử dụng các từ ngữ rút gọn trên Nhân Dân Nhật báo không thường xuyên như trên trang Báo Nhân Dân. Dịch giả khi dịch cần chú ý sự khác biệt về từ ngữ rút gọn trong hai ngôn ngữ để có phương án dịch phù hợp. Ngoài ra chúng tôi còn nhận thấy các trợ từ, phó từ thường được lược bỏ trong đầu đề bài báo của hai ngôn ngữ.

Về mặt cấu trúc tổng thể của đầu đề, những tin trong nước Trung Quốc thì cấu trúc “đầu đề dẫn + đầu đề chính” chiếm ưu thế. Với loạt tin này thì “Đầu đề dẫn” thông thường là: Ai + “nhấn mạnh 强调” hoặc “chỉ ra 指出”. Khi dịch loạt tin này sang tiếng Việt, chúng tôi đề xuất chuyển sang dạng trích dẫn trong tiếng Việt.

Bên cạnh đó, việc bổ sung hoặc đơn giản hóa chủ ngữ (chủ thể) với các cấu trúc đầu đề dạng ngữ hoặc chủ ngữ quá dài trong tiếng Trung Quốc khi dịch sang tiếng Việt là cần thiết để tăng tính tường minh cho độc giả. Ở khía cạnh khác, khi dịch tin trong nước tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc, chúng ta nên lưu ý chuyển các cấu trúc dạng “ngữ” sang cấu trúc dạng “câu” cho phù hợp với xu thế đặt đầu đề trên báo tiếng Trung Quốc.

Từ góc độ tu từ, chúng tôi cho rằng, cần có các thao tác xử lý phù hợp giữa hai ngôn

ngữ, nhằm làm tăng tính biểu cảm, nhạc điệu và tính phù hợp trong cách biểu đạt.

Trong xu thế hội nhập quốc tế như hiện nay, công tác nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ của một số tờ báo lớn quốc tế sẽ góp phần đưa Việt Nam hội nhập hơn cùng thế giới. Tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ đầu đề bài viết trên Nhân Dân Nhật báo có tác dụng tích cực với việc nghiên cứu ngôn ngữ báo chí quốc tế tại Việt Nam hiện nay. Đồng thời, đứng từ góc độ giảng dạy ngoại ngữ, nghiên cứu sẽ góp phần hỗ trợ công tác giảng dạy và dịch thuật, góp phần thúc đẩy sự giao lưu và hợp tác văn hóa giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Đỗ Thị Thanh Huyền (2015). Bàn về đặc điểm đầu đề bài viết trên báo Nhân Dân. *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 10, tr.26-31.

Vũ Quang Hào (2009). *Ngôn ngữ báo chí*. Nxb Thông tấn.

Tiếng Trung Quốc

韩书庚 (2010). 《人民日报》头条标题的语言特点. *新闻世界*, No 10, 45-46页

黄伯荣、廖序东 (2001). *现代汉语 (下册)*. 高等教育出版社

万艺玲 (2000). *汉语词汇教程*. 北京语言文化大学出版社

尹世超 (2001). *标题语法*. 商务印书馆

人民网 (Mạng Nhân Dân), website: www.people.com.cn, *truy cập ngày 21/10/2015*

Từ điển

中国社会科学院语言研究所 (2005). *《现代汉语词典》第五版*. 商务出版社

CHARACTERISTICS OF CHINESE RENMINRIBAO'S ARTICLE HEADLINES AND RELATED ISSUES IN TRANSLATION

Do Thi Thanh Huyen

Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University and Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: This paper uses the quantitative analysis method and the corpus descriptive method, to analyze linguistic characteristics in Renminribao article headlines, including lexical, grammatical and rhetorical features in order to find out common characteristics used in this famous newspaper. Also, the paper puts the results in comparison with article headlines in the Vietnamese Nhandan newspaper to draw necessary conclusions for Chinese - Vietnamese newspaper headline translation.

Keywords: headlines, Renminribao, language features, translation